

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày 09-11-2021
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc
Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 24/TB-TA ngày 12/8/2021; Thông báo về việc tạm ngừng phiên tòa số 33/TB-TA ngày 16/9/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 38/TB-TA ngày 05/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-DS ngày 21/10/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG

Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 15/01/2021 và Quyết định ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020): Ông Phan Ngọc Ch, chức vụ: Chuyên viên. (có mặt)

Địa chỉ: 198 đường N, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1972.(vắng mặt)

Địa chỉ: 11/9 đường C, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG ông Phan Ngọc Ch trình bày:

Ngày 02/03/2018, bà Trần Thị N có ký với Ngân hàng TMCP SG (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng được cung cấp trong hồ sơ vụ án).

Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: không có thời hạn; hình thức vay tín chấp; mức lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng; mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngày phát sinh giao dịch hợp đồng với bà Niềm là ngày 31/3/2018.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà N đã thực hiện 17 giao dịch với số tiền: 27.795.660đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23.960.000đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/08/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên kể từ ngày 02/08/2020 lãi suất được tính theo lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn và tính từ ngày 02/08/2020 trên số tiền gốc được tính là 16.779.033đồng.

Tính đến ngày 08/11/2021, bà Trần Thị N còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ gốc :	16.779.033 đồng
Lãi quá hạn :	10.143.045 đồng
Tổng cộng :	26.922.078 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà N trả nợ, tuy nhiên bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP SG khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền: 20.443.617đ (Hai mươi triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, sáu trăm mười bảy đồng) trong đó tiền nợ gốc là 16.779.033đ, tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/01/2021 là 3.664.584đ và đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà N phải chịu toàn bộ án phí và chi phí liên quan nếu có.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 08/11/2021 thì số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể như sau: Nợ gốc: 16.779.033đồng, nợ lãi là: 10.143.045đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP SG yêu cầu bà N phải thanh toán là: 26.922.078đ.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng TMCP SG đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 08/11/2021 là: **26.922.078đ** và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 09/11/2021 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP SG

**Bị đơn bà Trần Thị N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để bà N trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay bà N vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị N.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP SG yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền: 20.443.617đ (Hai mươi triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, sáu trăm mười bảy đồng) trong đó tiền nợ gốc là 16.779.033đ, tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/01/2021 là 3.664.584đ và đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà N phải chịu toàn bộ án phí và chi phí liên quan nếu có.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng TMCP SG yêu cầu bà Trần Thị N phải thanh toán tính đến ngày 08/11/2021 có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 16.779.033đồng, nợ lãi tính đến ngày 08/11/2021 là: 10.143.045đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán là: **26.922.078đ**.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị N để triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ

thậm nhưng bà N vẫn cố tình trốn tránh, không đến Tòa án theo triệu tập do vậy bà Niềm không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào ngày 02/03/2018, bà Trần Thị N có ký với Ngân hàng TMCP SG (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng được cung cấp trong hồ sơ vụ án).

Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đồng cho bà N; mục đích bà N vay là để tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: không có thời hạn; hình thức vay tín chấp; mức lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng; mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngày phát sinh giao dịch hợp đồng với bà N là ngày 31/3/2018.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà N đã thực hiện 17 giao dịch với số tiền: 27.795.660đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23.960.000đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/08/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và kể từ ngày 02/08/2020 lãi suất được tính theo lãi suất quá hạn (bằng 150% lãi trong hạn và tính từ ngày 02/08/2020 trên số tiền gốc còn lại là 16.779.033đồng).

Tính đến ngày 08/11/2021, bà Trần Thị N còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ gốc : 16.779.033 đồng

Lãi quá hạn : 10.143.045đồng

Tổng cộng : 26.922.078 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà N trả nợ, tuy nhiên bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do bà Trần Thị N vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên việc Ngân hàng TMCP SG chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu bà N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP SG khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị N phải thanh toán tính đến ngày 08/11/2021 là: Nợ gốc: 16.779.033đồng, nợ lãi tính đến ngày

08/11/2021 là: 10.143.045đồng (lãi quá hạn tính từ ngày 02/08/2020 đến ngày 08/11/2021). Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán là: 26.922.078 đồng.

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG, buộc bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền 26.922.078 đồng (trong đó nợ gốc 16.779.033đồng; nợ lãi tính từ ngày 02/08/2020 đến ngày 08/11/2021 là 10.143.045 đồng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày 09/11/2021, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng 02/03/2018 được ký kết giữa bà Trần Thị N với Ngân hàng TMCP SG cho đến khi bà N thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm bà N phải chịu là 1.349.603đ (Một triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 511.000đ cho Ngân hàng TMCP SG.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đối với bà Trần Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/11/2021 là **26.922.078 đồng** (Hai mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi hai ngàn, không trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc là 16.779.033đồng; nợ lãi tính từ ngày 02/08/2020 đến 08/11/2021 là 10.143.045 đồng.

Kể từ ngày 09/11/2021, bà Trần Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

của Ngân hàng ngày 02/03/2018 được ký kết giữa bà Trần Thị N với Ngân hàng TMCP SG cho đến khi bà N thanh toán xong khoản nợ gốc.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.349.603đ (Một triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng).

-Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 511.000đ (Năm trăm mười một ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007237 ngày 25/3/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bà Trần Thị Niềm vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

